

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 54

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, mười sáu (16) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và năm (5) chi nhánh.

Mặc dù tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") của Công ty đã giảm xuống còn 47,41% nhưng Công ty vẫn đang nắm quyền kiểm soát đối với HNG khi Ông Đoàn Nguyên Đức, chủ tịch của Công ty vẫn đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị của HNG, đại diện cho Công ty chiếm 3 thành viên trên tổng số 6 thành viên. Do đó, căn cứ theo các quy định hiện hành, HNG vẫn là công ty con của Công ty và các công ty con của HNG vẫn là các công ty con gián tiếp của Công ty.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai và Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	hết nhiệm kỳ từ ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên	hết nhiệm kỳ từ ngày 26 tháng 6 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban	
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	hết nhiệm kỳ từ ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên	hết nhiệm kỳ từ ngày 26 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13.1. Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 để ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2020

Số tham chiếu: 60752790/21093043/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được lập vào ngày 29 tháng 8 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 54 bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 28.3 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo, vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đã ghi nhận khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn tồn đọng với tổng giá trị là 10.539.190.461 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.297.732.389 ngàn VND). Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi đã không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định khả năng thu hồi của số dư nợ tồn đọng vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 7.037.188.093 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 5.481.726.089 ngàn VND) bao gồm trong các số dư trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nói trên hay không và các ảnh hưởng nếu có đến báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoài ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 715.888.067 ngàn VND. Điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Ngân VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.803.545.123	5.739.809.646
110	I. Tiền		18.389.707	116.834.469
111	1. Tiền	4	18.389.707	116.834.469
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.768.691.250	5.600.276.574
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	347.657.774	416.053.861
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	364.083.311	276.537.115
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.360.543.865	4.087.575.874
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	745.988.715	977.915.535
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7, 8	(49.582.415)	(157.805.811)
140	III. Hàng tồn kho	9	12.370.114	16.769.564
141	1. Hàng tồn kho		12.370.114	17.043.882
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(274.318)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.094.052	5.929.039
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		252.220	429.859
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		407.068	1.776.848
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.434.764	3.722.332
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		18.332.127.974	16.360.096.625
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		11.443.047.518	9.465.153.743
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	10.593.008.566	8.838.255.230
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	850.038.952	903.779.309
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	7, 8	-	(276.880.796)
220	II. Tài sản cố định		191.874.282	197.156.679
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	164.672.997	169.314.359
222	Nguyên giá		288.765.259	290.309.443
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(124.092.262)	(120.995.084)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	27.201.285	27.842.320
228	Nguyên giá		40.450.152	40.450.152
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.248.867)	(12.607.832)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	66.552.573	67.867.999
231	1. Nguyên giá		74.075.831	74.075.831
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(7.523.258)	(6.207.832)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		10.525.630	9.752.230
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		10.525.630	9.752.230
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	6.609.511.112	6.609.511.112
251	1. Đầu tư vào công ty con		6.656.151.071	6.656.151.071
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.360.041	7.360.041
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(59.000.000)	(59.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.616.859	10.654.862
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	10.616.859	10.654.862
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		22.135.673.097	22.099.906.271

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.033.814.247	10.019.370.294
310	I. Nợ ngắn hạn		1.862.290.073	1.536.353.671
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	85.936.436	58.205.395
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	17.994.546	2.604.811
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.034.843	4.998.774
314	4. Phải trả người lao động		10.766.904	11.983.333
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.059.355.587	823.460.958
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		163.636	60.667
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	283.233.221	188.305.098
320	8. Vay ngắn hạn	20	387.043.209	446.631.125
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.761.691	103.510
330	II. Nợ dài hạn		8.171.524.174	8.483.016.623
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	978.380.742	1.139.729.876
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	292.666.626	292.666.626
338	3. Vay dài hạn	20	6.894.515.245	7.044.687.161
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	351.540	322.939
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.610.021	5.610.021
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.101.858.850	12.080.535.977
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	12.101.858.850	12.080.535.977
411	1. Vốn cổ phần		9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.263.858.784	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	5. Lỗ lũy kế		(715.888.067)	(737.210.940)
421a	- Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(737.210.940)	(23.715.240)
421b	- Lợi nhuận (lỗ) trong kỳ		21.322.873	(713.495.700)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		22.135.673.097	22.099.906.271


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	247.132.523	48.408.407
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(11.932.239)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	235.200.284	48.408.407
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(222.882.021)	(44.429.598)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.318.263	3.978.809
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	488.099.301	580.153.236
22	7. Chi phí tài chính	24	(403.007.555)	(538.896.315)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(391.551.571)	(512.457.154)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(24.274.565)	(2.571.439)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(28.846.682)	(444.667.649)
30	10. Lãi (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		44.288.762	(402.003.358)
31	11. Thu nhập khác	26	1.036.861	145.468.907
32	12. Chi phí khác	26	(23.974.149)	(21.361.177)
40	13. Lợi nhuận khác	26	(22.937.288)	124.107.730
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		21.351.474	(277.895.628)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.2	(28.601)	(869.500)
60	17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		21.322.873	(278.765.128)


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		21.351.474	(277.895.628)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	10, 11, 12	7.196.579	7.359.733
03	Dự phòng		16.460.300	438.022.546
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.187.359	(270.398)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(486.215.758)	(574.084.840)
06	Chi phí lãi vay	24	391.551.571	512.457.154
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(48.468.475)	105.588.567
09	Giảm các khoản phải thu		355.088.231	163.400.284
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		4.673.768	(1.979.357)
11	Tăng các khoản phải trả		145.489.908	1.078.029.253
12	Giảm chi phí trả trước		215.642	70.071
14	Tiền lãi vay đã trả		(314.615.909)	(521.680.906)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	-	(1.927.750)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(618.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		142.383.165	820.882.162
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(809.901)	(168.841)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		-	21.449.084
23	Tiền chi cho vay		(912.048.276)	(2.269.165.504)
24	Tiền thu hồi cho vay		406.371.203	3.097.180.335
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		84.938.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay		395.305.007	223.064.058
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(26.243.967)	1.072.359.132

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		35.084.263	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		(249.668.223)	(2.033.698.573)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(214.583.960)	(2.033.698.573)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(98.444.762)	(140.457.279)
60	Tiền đầu kỳ	4	116.834.469	212.718.119
70	Tiền cuối kỳ	4	18.389.707	72.260.840


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai và Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 219 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 285).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, mười sáu (16) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và năm (5) chi nhánh với chi tiết như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (%)</i>
Lĩnh vực nông nghiệp			
(1) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (*)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	47,41
(2) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	47,41
(3) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	46,35
(4) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	46,35
(5) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	47,30
(6) Công ty TNHH MTV Cao su Ban Mê	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	47,30
(7) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HAA")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	47,41
(8) Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	46,35
(9) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	47,41
(10) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	47,41

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (%)</i>
Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)			
(11) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	47,41
(12) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	47,41
(13) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	46,93
(14) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	47,36
(15) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	47,36
(16) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	78,22
(17) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	78,22
(18) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Champasak, Lào	Đang hoạt động	78,22
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(19) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	60,41
(20) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(21) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc			
Dịch vụ hàng hóa - xây dựng			
(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(3) Chi nhánh Chế biến hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Quản lý bất động sản và khách sạn			
(4) Quản lý bất động sản Quy Nhơn	Quy Nhơn, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(5) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Công ty liên kết			
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

(*) Mặc dù tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại HNG của Công ty đã giảm xuống còn 47,41% nhưng Công ty vẫn đang nắm quyền kiểm soát đối với HNG khi Ông Đoàn Nguyên Đức, chủ tịch của Công ty vẫn đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị của HNG, đại diện cho Công ty chiếm 3 thành viên trên tổng số 6 thành viên.

Do đó, căn cứ theo các quy định hiện hành, HNG vẫn là công ty con của Công ty và các công ty con của HNG vẫn là các công ty con gián tiếp của Công ty.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13.1. Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

2.6 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 715.888.067 ngàn VND. Ngoài ra, cũng vào ngày này, Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 20.2 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ các dự án đang triển khai và tái cơ cấu một số khoản nợ. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tiếp theo. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm máy vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	23 - 43 năm
--------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ :

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá ba (3) năm.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tiền mặt tại quỹ	414.773	748.795
Tiền gửi ngân hàng	17.974.934	116.085.674
TỔNG CỘNG	18.389.707	116.834.469

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu tiền thanh lý khoản đầu tư	190.127.000	275.065.000
Trong đó:		
- Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	189.145.000	249.045.000
- Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	982.000	26.020.000
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.043.086	76.717.582
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	55.611.912	34.140.817
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	26.333.627	26.323.777
Phải thu tiền bán căn hộ	1.542.149	3.806.685
TỔNG CỘNG	347.657.774	416.053.861
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh "TM" số 28.2)	134.051.602	128.115.946
Phải thu các bên khác	213.606.172	287.937.915

Chi tiết tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Số đầu kỳ	8.868.833	11.243.944
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(135.940)	(3.827.790)
Số cuối kỳ	8.732.893	7.416.154

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	364.083.311	276.537.115
Trong đó:		
Trả trước bên liên quan (TM số 28.2)	356.384.877	268.265.107
Trả trước các bên khác	7.698.434	8.272.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	2.360.543.865	4.087.575.874
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28.2) (i)	2.274.203.592	3.930.680.511
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	86.340.273	156.895.363
Dài hạn	10.593.008.566	8.838.255.230
Cho vay dài hạn các bên liên quan (TM số 28.2) (i)	10.575.199.463	8.777.568.963
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	500.000	43.380.907
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	17.309.103	17.305.360
TỔNG CỘNG	12.953.552.431	12.925.831.104

Chi tiết tình hình biến động dự phòng phải thu về cho vay khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Số đầu kỳ	310.525.314	-
Tăng dự phòng lập trong kỳ	15.403.000	314.479.774
Xóa sổ dự phòng lập trong kỳ	(294.888.936)	-
Số cuối kỳ	31.039.378	314.479.774
<i>Trong đó:</i>		
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	31.039.378	53.092.286
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	261.387.488

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả chậm nhất đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 4,80% đến 12,50%/năm.
- (ii) Khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn trả đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 8,00% đến 12,50%/năm.
- (iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác mà Công ty và các công ty con phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Nợ gốc đầu kỳ (USD)	748.826	648.826
Tăng trong kỳ (USD)	-	100.000
Nợ gốc cuối kỳ (USD)	748.826	748.826
Nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VND)	17.309.103	17.305.360

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	745.988.715	977.915.535
Chi trả hộ	660.568.991	789.679.663
Phải thu lãi cho vay	66.447.138	180.568.798
Tạm ứng cho nhân viên	15.912.378	4.806.834
Phải thu khác	3.060.208	2.860.240
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	<i>680.131.928</i>	<i>914.171.184</i>
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>65.856.787</i>	<i>63.744.351</i>
Dài hạn	850.038.952	903.779.309
Phải thu lãi cho vay	847.672.111	901.412.468
Phải thu khác	2.366.841	2.366.841
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	<i>847.518.946</i>	<i>901.001.458</i>
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>2.520.006</i>	<i>2.777.851</i>
TỔNG CỘNG	1.596.027.667	1.881.694.844

Chi tiết tình hình biến động dự phòng phải thu khác khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Số đầu kỳ	115.292.460	-
Tăng dự phòng lập trong kỳ	1.446.842	101.542.431
Xóa sổ dự phòng lập trong kỳ	(106.675.556)	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(253.602)	-
Số cuối kỳ	9.810.144	101.542.431
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>9.810.144</i>	<i>100.314.201</i>
<i>Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi</i>	<i>-</i>	<i>1.228.230</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Nguyên vật liệu	5.375.387	7.957.278
Hàng hóa	2.755.842	1.622.476
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.205.444	5.620.728
Công cụ, dụng cụ	1.975.105	1.785.064
Thành phẩm	58.336	58.336
TỔNG CỘNG	12.370.114	17.043.882
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(274.318)
GIÁ TRỊ THUẦN	12.370.114	16.769.564

Chi tiết tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Số đầu kỳ	274.318	274.318
Xóa sổ	(274.318)	-
Số cuối kỳ	-	274.318

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	227.116.932	19.211.624	34.119.845	3.063.542	6.689.440	108.060	290.309.443
Mua mới trong kỳ	562.256	-	-	36.500	-	-	598.756
Thanh lý trong kỳ	-	-	(2.142.940)	-	-	-	(2.142.940)
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	227.679.188	19.211.624	31.976.905	3.100.042	6.689.440	108.060	288.765.259
Giá trị khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	(67.983.116)	(16.938.310)	(26.366.546)	(2.923.119)	(6.689.440)	(94.553)	(120.995.084)
Khấu hao trong kỳ	(3.504.512)	(656.597)	(1.028.872)	(41.132)	-	(9.005)	(5.240.118)
Thanh lý trong kỳ	-	-	2.142.940	-	-	-	2.142.940
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	(71.487.628)	(17.594.907)	(25.252.478)	(2.964.251)	(6.689.440)	(103.558)	(124.092.262)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	159.133.816	2.273.314	7.753.299	140.423	-	13.507	169.314.359
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	156.191.560	1.616.717	6.724.427	135.791	-	4.502	164.672.997
<i>Trong đó:</i>							
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con</i>	106.289.369	-	3.840.185	-	-	-	110.129.554
<i>Giá trị nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết</i>	667.415	7.653.038	13.576.949	2.411.166	6.689.440	-	30.998.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Ngàn VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2020	25.278.179	15.171.973	40.450.152
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	-	(12.607.832)	(12.607.832)
Hao mòn trong kỳ	-	(641.035)	(641.035)
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	-	(13.248.867)	(13.248.867)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	25.278.179	2.564.141	27.842.320
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	25.278.179	1.923.106	27.201.285
<i>Trong đó:</i> <i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo</i> <i>các khoản vay của Công ty và</i> <i>công ty con</i>	25.278.179	-	25.278.179

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Ngàn VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2020	27.072.022	47.003.809	74.075.831
Giá trị khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	(2.957.577)	(3.250.255)	(6.207.832)
Khấu hao trong kỳ	(369.697)	(945.729)	(1.315.426)
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	(3.327.274)	(4.195.984)	(7.523.258)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	24.114.445	43.753.554	67.867.999
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	23.744.748	42.807.825	66.552.573
<i>Trong đó:</i> <i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo cho</i> <i>các khoản vay của Công ty và</i> <i>công ty con</i>	23.744.748	42.807.825	66.552.573

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	1.191.118	2.176.120
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	1.315.426	619.717

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2020. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Đầu tư vào công ty con	6.656.151.071	6.656.151.071
Đầu tư vào công ty liên kết	5.000.000	5.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.360.041	7.360.041
TỔNG CỘNG	6.668.511.112	6.668.511.112
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(59.000.000)	(59.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	6.609.511.112	6.609.511.112

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
		Tỷ lệ sở hữu/ Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu/ Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	40,83	4.503.226.081	-	40,83	4.503.226.081	-
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Nông nghiệp	78,22	1.977.146.000	-	78,22	1.977.146.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Bệnh viện	99,00	99.000.000	-	99,00	99.000.000	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Câu lạc bộ bóng đá	51,00	59.000.000	(59.000.000)	51,00	59.000.000	(59.000.000)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	100,00	17.778.990	-	100,00	17.778.990	-
TỔNG CỘNG			6.656.151.071	(59.000.000)		6.656.151.071	(59.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
		(%)	(Ngàn VND)	(%)	(Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	5.000.000	25,00	5.000.000

13.3 Đầu tư vào các công ty khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
		(%)	(Ngàn VND)	(%)	(Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
TỔNG CỘNG			7.360.041		7.360.041

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tiền thuê đất trả trước	8.744.803	8.880.515
Công cụ, dụng cụ	648.375	679.080
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.223.681	1.095.267
TỔNG CỘNG	10.616.859	10.654.862

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	85.289.320	57.448.357
Phải trả khác	647.116	757.038
TỔNG CỘNG	85.936.436	58.205.395
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	43.862.212	30.221.256
Phải trả các bên liên quan (TM số 28.2)	42.074.224	27.984.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Khách hàng thương mại trả tiền trước	17.584.344	1.676.726
Khách hàng dịch vụ xây dựng trả tiền trước	410.202	410.201
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	-	517.884
TỔNG CỘNG	17.994.546	2.604.811
Trong đó:		
Các bên khác	1.202.044	1.832.170
Các bên liên quan (TM số 28.2)	16.792.502	772.641

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.230	-	-	65.230
Thuế thu nhập cá nhân	2.304.647	2.396.606	(2.374.658)	2.326.595
Thuế giá trị gia tăng	517.691	1.898.625	(1.383.434)	1.032.882
Khác	2.111.206	1.012.455	(513.525)	2.610.136
TỔNG CỘNG	4.998.774	5.307.686	(4.271.617)	6.034.843

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	1.059.355.587	823.460.958
Chi phí lãi vay	1.030.872.524	794.816.138
Chi phí phát hành trái phiếu	21.414.660	21.414.660
Chi phí hoạt động	7.068.403	7.230.160
Dài hạn	978.380.742	1.139.729.876
Chi phí lãi vay	978.380.742	1.139.729.876
TỔNG CỘNG	2.037.736.329	1.963.190.834

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	283.233.221	188.305.098
Phải trả tiền mượn từ các cá nhân và các công ty (i)	196.475.955	80.347.526
Phải trả do thu hộ	39.356.958	49.757.784
Phải trả về hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (ii)	36.000.000	36.000.000
Lợi nhuận hợp tác kinh doanh phải trả (iii)	7.635.146	17.989.667
Khác	3.765.162	4.210.121
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	<i>229.100.063</i>	<i>123.209.705</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>54.133.158</i>	<i>65.095.393</i>
Dài hạn	292.666.626	292.666.626
Phải trả về hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (ii)	285.000.000	285.000.000
Phải trả do thu hộ	7.666.626	7.666.626
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	<i>285.000.000</i>	<i>285.000.000</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>7.666.626</i>	<i>7.666.626</i>
TỔNG CỘNG	575.899.847	480.971.724

- (i) Số tiền này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.
- (ii) Thể hiện phần vốn góp nhận được từ các HĐHTKD được ký kết ngày 24 tháng 9 năm 2018 và ngày 20 tháng 4 năm 2020 với các cá nhân về việc hợp tác đầu tư vào các dự án trồng cây ăn trái của Công ty. Các HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn 12,00% trên tổng số tiền đầu tư với thời hạn hợp tác là ba (3) năm hoặc sáu (6) tháng kể từ ngày hợp đồng.
- (iii) Số tiền này thể hiện khoản lợi nhuận phải trả cho các cá nhân liên quan đến các HĐHTKD nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngân VND Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Vay ngắn hạn	446.631.125	190.084.263	(249.672.179)	387.043.209
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 20.1)	326.631.125	-	(249.631.125)	77.000.000
Trái phiếu thường đến hạn trả (TM số 20.2)	120.000.000	155.000.000	-	275.000.000
Vay ngắn hạn khác (TM số 20.3)	-	35.084.263	(41.054)	35.043.209
Vay dài hạn	7.044.687.161	-	(150.171.916)	6.894.515.245
Trái phiếu thường (TM số 20.2)	7.044.687.161	-	(150.171.916)	6.894.515.245
TỔNG CỘNG	7.491.318.286	190.084.263	(399.844.095)	7.281.558.454

Chi tiết tăng giảm các khoản vay trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn	Ngân VND Vay dài hạn
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	446.631.125	7.044.687.161
Vay mới trong kỳ	35.084.263	-
Trả nợ gốc vay trong kỳ	(249.668.223)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	155.000.000	(155.000.000)
Chi phí phát hành trái phiếu	-	4.828.084
Chênh lệch tỷ giá	(3.956)	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	387.043.209	6.894.515.245

20.1 Vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngân VND Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank") (*)	77.000.000	77.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	-	249.631.125
TỔNG CỘNG	77.000.000	326.631.125
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả	77.000.000	326.631.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

(*) Chi tiết của khoản vay như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (%/năm)
HD Bank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	77.000.000	Ngày 31 tháng 8 năm 2020	11,67 - 11,97	98.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	77.000.000			

20.2 Trái phiếu thường

	Ngàn VND	
Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia) ("HDBS")	930.000.000	930.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	120.000.000	120.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(56.484.755)	(61.312.839)
TỔNG CỘNG	7.169.515.245	7.164.687.161
Trong đó:		
Trái phiếu dài hạn	6.894.515.245	7.044.687.161
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	275.000.000	120.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
		Ngàn VND	%/năm			
BIDV và BSC	BIDV (*)	5.876.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2020: 9,50 - 9,80)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: 4.852,74 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; 9.996,9 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu, Lào; 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; 9.380,9 ha (đã trồng 7.102 ha cọ dầu) tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas; 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Heng Brothers; 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia, thuộc sở hữu của Công ty TNHH CRD; Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên; Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; 44.926.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT.

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty tại HNG là 47,41% đang thấp hơn so với trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty tại HNG tối thiểu là 51%. Ngoài ra, diện tích cao su của Tập đoàn thực tế trồng là 4.486 ha, thấp hơn so với trong Hợp đồng Tín dụng là 4.852,74 ha và diện tích cọ dầu của Tập đoàn thực tế trồng là 5.233 ha, thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 7.102 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	120.000.000	Trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp kỳ hạn mười ba (13) tháng bằng VND cộng với biên độ 3,50 (2020: 11,70)	Ngày 30 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su (Tỉnh Ratanakiri, Campuchia); Dự án thủy điện Nậm Kông 2 (Tỉnh Attapeu, Lào) và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	12.960.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 13.405.675 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		120.000.000				
ACBS	Công ty Cổ phần Việt Golden Farm (*)	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn mười ba (13) tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2020: 10,00)	Ngày 18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	40.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, hệ số thanh toán hiện hành của Công ty đang nhỏ hơn một (1), thấp hơn trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là hệ số thanh toán hiện hành phải lớn hơn một (1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
HDBS	HD Bank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai (*)	930.000.000	Lãi suất điều chỉnh ba (3) tháng một lần và bằng chi phí vốn VND mười hai (12) tháng của HD Bank cộng với biên độ 3,50 (2020: 12,57)	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	172.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		155.000.000				
Trái phiếu dài hạn		775.000.000				

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, tỷ lệ sở hữu cổ phần của Tổ chức phát hành tại HNG là 47,41% thấp hơn quy định trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là tỷ lệ sở hữu cổ phần của Tổ chức phát hành tại HNG tối thiểu là 51%.

20.3 Vay ngắn hạn khác

Công ty vay ngắn hạn từ các bên khác nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Tên đối tượng	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
Ông Dương Thành Trung	22.320.785	Ngày 8 tháng 9 năm 2020	13,00	4.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Trustlink	12.722.424	Ngày 7 tháng 7 năm 2020	14,75	2.747.368 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai.
TỔNG CỘNG	35.043.209			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2019	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(22.479.240)
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	(278.765.128)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký	-	-	-	-	(618.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(301.862.368)
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2020	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(737.210.940)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	21.322.873
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(715.888.067)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	927.467.947	927.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947	927.467.947
Cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	927.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283	927.399.283
Cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Doanh thu gộp	247.132.523	48.408.407
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	201.594.558	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.587.634	26.197.147
Doanh thu bán hàng hóa	16.950.331	22.211.260
Khoản giảm trừ	(11.932.239)	-
Giảm giá hàng bán	(11.932.239)	-
Doanh thu thuần	235.200.284	48.408.407
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	189.662.319	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.587.634	26.197.147
Doanh thu bán hàng hóa	16.950.331	22.211.260
Trong đó:		
Doanh thu từ bên liên quan	119.746.164	18.473.603
Doanh thu từ bên khác	115.454.120	29.934.804

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Lãi cho vay và lãi tiền gửi ngân hàng	486.170.303	567.635.941
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.928.998	637.295
Cổ tức được chia	-	11.880.000
TỔNG CỘNG	488.099.301	580.153.236
Trong đó:		
Doanh thu từ bên liên quan	475.218.386	566.634.142
Doanh thu từ bên khác	12.880.915	13.519.094

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Giá vốn bán trái cây	172.999.669	-
Giá vốn dịch vụ cung cấp	26.147.078	21.745.625
Giá vốn hàng hóa đã bán	23.735.274	22.683.973
TỔNG CỘNG	222.882.021	44.429.598

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	391.551.571	512.457.154
Lợi nhuận phải trả từ hợp đồng hợp tác đầu tư	9.588.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.867.984	611.029
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	25.828.132
TỔNG CỘNG	403.007.555	538.896.315

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Chi phí bán hàng	24.274.565	2.571.439
Chi phí vận chuyển	23.164.541	-
Chi phí lương nhân viên	414.504	407.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	247.202	1.855.109
Chi phí bán hàng khác	448.318	308.707
Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.846.682	444.667.649
Chi phí lương nhân viên	15.830.419	17.167.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.882.338	4.399.098
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.551.303	3.686.713
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(135.940)	412.334.415
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	718.562	7.080.092
TỔNG CỘNG	53.121.247	447.239.088

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Thu nhập khác	1.036.861	145.468.907
Hoàn nhập dự phòng (*)	-	142.895.860
Các khoản khác	1.036.861	2.573.047
Chi phí khác	23.974.149	21.361.177
Xóa sổ công nợ	16.596.240	-
Các khoản phạt	6.088.977	12.537.625
Lỗi thanh lý tài sản	479.896	5.431.101
Các khoản khác	809.036	3.392.451
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(22.937.288)	124.107.730

(*) Số tiền này thể hiện việc ghi nhận giảm chi phí do việc hoàn nhập chi phí dự phòng thuế TNDN theo các hướng dẫn của Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ("NĐ 20") về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 5 năm 2017 được tạm trích trước và ghi nhận trong báo cáo tài chính tổng hợp của các năm trước lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.601	869.500

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) khác với thu nhập (lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế và thu nhập tính thuế:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	21.351.474	(277.895.628)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Chi phí không được khấu trừ	23.587.718	285.262.605
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(7.066)	(519.710)
Thu nhập cổ tức	-	(11.880.000)
Lợi nhuận (lỗ) tính thuế ước tính trong kỳ hiện hành	44.932.126	(5.032.733)
Lỗ kỳ trước chuyển sang	(44.932.126)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ và cuối kỳ (TM số 17)	65.230	65.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	476.437	503.625	(27.188)	(765.558)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(827.977)	(826.564)	(1.413)	(103.942)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(351.540)	(322.939)		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(28.601)	(869.500)

27.3 Lỗi chuyển sang từ kỳ trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 739.053.915 ngàn VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 783.986.041 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	Không được chuyển lỗ	Ngàn VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020
2017	2022	321.978.808	(44.932.126)	-	277.046.682
2018	2023	78.379.982	-	-	78.379.982
2019	2024	383.627.251	-	-	383.627.251
TỔNG CỘNG		783.986.041	(44.932.126)	-	739.053.915

(*) Lỗ tính thuế đã được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

Công ty chưa được ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lỗ tính thuế chuyển sang các kỳ sau do chưa chắc chắn được thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

28.1 Giao dịch trong kỳ

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Thu hồi lãi cho vay	231.052.555	-
		Cho vay	190.615.636	564.103.000
		Lãi cho vay	144.202.563	106.000.840
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	176.020.273	211.174.037
		Thu hồi lãi cho vay	104.149.217	-
		Bán hàng hóa	83.118.703	10.758.190
		Cho vay	72.870.074	66.625.886
		Thu hồi gốc cho vay	-	15.300.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay	240.000.000	-
		Thu hồi gốc cho vay	240.000.000	1.456.668.876
		Cần trừ công nợ	107.914.164	-
		Lãi cho vay	106.649.790	124.783.087
		Lãi nhập gốc	154.101.500	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	14.990.743	15.131.968
		Thu hồi lãi cho vay	2.372.178	215.831.159
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	88.119.770	200.225.651
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.502.501	-
		Lãi cho vay	2.018.206	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cần trừ công nợ	574.780.849	-
		Thu hồi lãi cho vay	57.040.368	-
		Thu hồi gốc cho vay	37.802.836	-
		Lãi cho vay	33.093.350	45.648.129
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	358.897.963	-
		Lãi cho vay	19.779.364	-
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Lãi cho vay	75.581	25.457.798
		Thu hồi gốc vay	-	305.743.498

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.1 *Giao dịch trong kỳ* (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Công ty Cổ phần Thế Thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Xóa sổ công nợ Cho mượn	397.844.491 15.403.000	- -
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	7.390.284	11.024.517
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT	Trả lãi HĐHTKD Lãi HĐHTKD	6.527.836 2.100.000	- -
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Trả lãi HĐHTKD Lãi HĐHTKD	11.190.575 3.600.000	- -

28.2 *Số dư các khoản phải thu và phải trả*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)</i>				
Nhóm nợ tồn động lớn (*)	Các công ty liên quan	(*)	36.649.914	49.496.338
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến hoa quả	Công ty con	Thanh lý TSCĐ	26.283.627	26.323.777
		Dịch vụ xây dựng	13.023.541	-
		Bán hàng hóa	7.115.198	14.934.825
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	17.033.312	9.766.573
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	9.180.899	9.196.798
		Dịch vụ xây dựng	3.810.122	3.619.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Ngân VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5) (tiếp theo)				
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.065.503	7.140.477
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.565.409	4.583.442
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.019.360	38.251
Các công ty khác	Các công ty	Các khoản khác	5.304.717	3.016.082
TỔNG CỘNG			134.051.602	128.115.946

(*) Số dư chi tiết nhóm nợ tồn đọng lớn như sau:

Các bên liên quan	Giao dịch	Ngân VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.595.944	27.595.944
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.501.714	5.501.714
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.863.035	15.785.553
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	689.221	613.127
TỔNG CỘNG		36.649.914	49.496.338

			Ngân VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	356.384.877	268.265.107

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Ngân VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
			%/năm	
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7)				
Nhóm nợ tồn đọng lớn (*)	Các công ty liên quan	(*)	2.136.302.345	2.013.674.928
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	8,00	49.900.701	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	10,00	35.485.456	1.877.207.456
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	-	20.120.000	20.120.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	-	16.742.127	16.742.127
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty liên quan	8,00	12.716.963	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	-	1.636.000	1.636.000
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	11,50	1.300.000	1.300.000
TỔNG CỘNG			2.274.203.592	3.930.680.511

(*) Số dư chi tiết nhóm nợ tồn đọng lớn như sau:

Các bên liên quan	Lãi suất %/năm	Ngân VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	8,00	1.099.920.232	1.068.890.232
Công ty Cổ phần Lê Me	11,50	949.445.388	857.847.971
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	8,00	86.936.725	86.936.725
TỔNG CỘNG		2.136.302.345	2.013.674.928

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
			%/năm	
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 7)				
Nhóm nợ tồn đọng lớn (**)	Các công ty liên quan	(**)	7.584.918.370	7.444.257.204
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	10,50	1.995.823.500	-
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	8,00	704.719.725	358.538.725
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	12,50	150.127.929	649.106.397
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	10,50	107.950.350	-
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	10,50	16.053.229	-
Công ty TNHH MTV Cao su Ban Mê (*)	Công ty con	-	15.606.360	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	-	-	275.765.936
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	-	-	49.900.701
TỔNG CỘNG			10.575.199.463	8.777.568.963

(*) Từ ngày 1 tháng 2 năm 2020, Công ty TNHH MTV Cao su Ban Mê trở thành công ty con của Tập đoàn.

(**) Số dư chi tiết nhóm nợ tồn đọng lớn như sau:

Các bên liên quan	Lãi suất %/năm	Ngân VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	4,80 - 8,00	4.169.412.374	4.127.769.426
Công ty Cổ phần Lê Me	4,80 - 13,00	3.315.505.996	3.216.487.778
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	8,00	100.000.000	100.000.000
TỔNG CỘNG		7.584.918.370	7.444.257.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)				
Nhóm nợ tồn đọng lớn (*)	Các công ty liên quan	(*)	63.668.759	55.615.684
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	535.308.643 13.107.251	535.273.729 -
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho mượn Khác	65.612.443 33.835	65.612.443 23.261
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	442.886	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	-	107.926.999
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	- -	99.469.183 5.151.875
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	-	27.165.722
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	-	16.049.756
Các bên khác	Bên liên quan	Khác	1.958.111	1.882.532
TỔNG CỘNG			680.131.928	914.171.184

(*) Số dư chi tiết nhóm nợ tồn đọng lớn như sau:

		Ngàn VND	
Các bên liên quan	Giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Lãi cho vay Chi trả hộ	16.866.475 9.574.136	19.711.031 10.576.290
Công ty Cổ phần Lê Me	Lãi cho vay	18.909.770	10.355.825
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Lãi cho vay Chi trả hộ	16.126.378 2.192.000	12.780.538 2.192.000
TỔNG CỘNG		63.668.759	55.615.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu dài hạn khác (TM số 8)				
Nhóm nợ tồn đọng lớn (*)	Các công ty liên quan	(*)	717.651.073	734.688.235
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	86.695.293	-
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	19.779.364	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	16.810.688	154.362.922
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	5.730.370	-
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	852.158	861.256
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay	-	11.089.045
TỔNG CỘNG			847.518.946	901.001.458

(*) Số dư chi tiết nhóm nợ tồn đọng lớn như sau:

Các bên liên quan	Giao dịch	Ngàn VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Lãi cho vay	560.429.190	486.106.860
Công ty Cổ phần Lê Me	Lãi cho vay	135.523.362	230.927.298
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Lãi cho vay	21.698.521	17.654.077
TỔNG CỘNG		717.651.073	734.688.235

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Ngân VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15)				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	18.307.008	22.887.524
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Mua hàng hóa	16.830.824	1.950.572
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	3.977.291	2.295.863
Các công ty khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.959.101	850.180
TỔNG CỘNG			42.074.224	27.984.139
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 16)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	15.853.437	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	772.641	772.641
Các công ty khác	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	166.424	-
TỔNG CỘNG			16.792.502	772.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Ngân VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 19)				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tiền	131.117.000	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	HTKD Lợi nhuận HTKD	36.000.000 3.151.890	36.000.000 1.488.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Thu hộ	22.769.750	22.769.750
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Bên liên quan	Mượn tạm	10.000.000	15.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tạm	9.408.242	9.408.242
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tạm	7.422.950	7.422.950
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lợi nhuận HTKD	2.376.091	9.966.667
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Lợi nhuận HTKD	2.107.164	6.535.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Thu hộ	1.812.809	1.812.809
Ông Nguyễn Anh Hòa	Bên liên quan	Mượn tạm	-	10.000.000
Các công ty khác	Bên liên quan	Khác	2.934.167	2.806.287
TỔNG CỘNG			229.100.063	123.209.705
Phải trả dài hạn khác (TM số 19)				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Hợp tác kinh doanh	180.000.000	180.000.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Hợp tác kinh doanh	105.000.000	105.000.000
TỔNG CỘNG			285.000.000	285.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.3 Nhóm nợ tồn đọng lớn (trích từ TM số 28.2)

Theo giao dịch phát sinh:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu về cho vay dài hạn	7.584.918.370	7.444.257.204
Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.136.302.345	2.013.674.928
Phải thu dài hạn khác	717.651.073	734.688.235
Phải thu ngắn hạn khác	63.668.759	55.615.684
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	36.649.914	49.496.338
TỔNG CỘNG	10.539.190.461	10.297.732.389

28.3 Nhóm nợ tồn đọng lớn (trích từ TM số 28.2) (tiếp theo)

Theo đối tượng phát sinh công nợ:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	5.859.065.442	5.728.839.392
Công ty Cổ phần Lê Me	4.419.384.516	4.315.618.872
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	227.642.845	220.176.467
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	27.595.944	27.595.944
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	5.501.714	5.501.714
TỔNG CỘNG	10.539.190.461	10.297.732.389

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, các khoản phải thu tồn đọng lớn nói trên được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty, cá nhân liên quan khác.

28.4 Các giao dịch với các bên liên quan khác

Lương và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Ban thư ký trong kỳ như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thù lao	5.383.080	9.296.828
Ban kiểm soát		
Lương và thù lao	654.000	1.113.000
Ban thư ký		
Lương và thù lao	240.000	108.000
TỔNG CỘNG	6.277.080	10.517.828

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê các lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây khác. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Dưới 1 năm	1.301.822	1.301.822
Từ 1 đến 5 năm	5.207.288	5.207.288
Trên 5 năm	34.985.557	36.936.506
TỔNG CỘNG	41.494.667	43.445.616

30. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

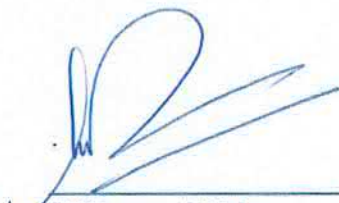
	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	397.844.491	-
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	3.720.000	-
TỔNG CỘNG	401.564.491	-

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2020